

SỔ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG NĂM 2024
KHỐI CAO ĐẲNG GDNN K58, KHÓA HỌC 2021-2024

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 442/QĐ-CĐSL ngày 17/05/2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

Ngày cấp: 27/05/2024

TT	Họ Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm TN	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại (TB 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	Giàng Quốc	Anh	03/05/2003	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2024	2,61	Khá	CD1.000470	14/CD1/2024/0001		
2	Lò Mạnh	Cường	15/11/2002	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2024	3,15	Khá	CD1.000471	14/CD1/2024/0002		
3	Và A	Dơ	02/03/2003	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2024	2,85	Khá	CD1.000472	14/CD1/2024/0003		
4	Giàng A	Đuẩn	20/11/1996	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2024	3,12	Khá	CD1.000473	14/CD1/2024/0004		
5	Nguyễn Quốc	Khánh	17/11/2003	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2024	3,4	Giỏi	CD1.000474	14/CD1/2024/0005		
6	Mùa A	Khay	28/08/2002	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2024	2,9	Khá	CD1.000475	14/CD1/2024/0006		
7	Mùa A	Long	26/03/2001	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2024	2,93	Khá	CD1.000476	14/CD1/2024/0007		
8	Hà Duy	Niêm	30/10/2003	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2024	3,06	Khá	CD1.000477	14/CD1/2024/0008		
9	Giàng Cao	Sơn	02/06/2002	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2024	2,76	Khá	CD1.000478	14/CD1/2024/0009		
10	Giàng A	Và	25/08/2003	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2024	2,9	Khá	CD1.000479	14/CD1/2024/0010		
11	Nguyễn Tùng	Anh	22/11/2002	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,87	Khá	CD1.000480	14/CD1/2024/0011		
12	Vì Văn	Anh	25/10/2002	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	3,07	Khá	CD1.000481	14/CD1/2024/0012		
13	Quảng Văn	Bình	25/04/2002	Sơn La	Nam	La ha	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,96	Khá	CD1.000482	14/CD1/2024/0013		

TT	Họ Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm TN	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại (TB 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
14	Thào A	Chư	11/10/2003	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,88	Khá	CD1.000483	14/CD1/2024/0014		
15	Sông A	Cu	17/09/2002	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,86	Khá	CD1.000484	14/CD1/2024/0015		
16	Lường Văn	Đạt	12/07/2002	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,88	Khá	CD1.000485	14/CD1/2024/0016		
17	Hoàng Tiến	Dương	22/04/2003	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,92	Khá	CD1.000486	14/CD1/2024/0017		
18	Lường Hồng	Duy	07/08/2002	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,69	Khá	CD1.000487	14/CD1/2024/0018		
19	Lường Văn	Hội	28/09/2000	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,96	Khá	CD1.000488	14/CD1/2024/0019		
20	Bạc Cầm	Khương	26/07/1993	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	3,62	Xuất sắc	CD1.000489	14/CD1/2024/0020		
21	Thào A	Lâu	16/09/2002	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	3,39	Giỏi	CD1.000490	14/CD1/2024/0021		
22	Vừ A	Lầu	27/07/2002	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	3,33	Giỏi	CD1.000491	14/CD1/2024/0022		
23	Lường Văn	Lương	12/09/1999	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	3,27	Giỏi	CD1.000492	14/CD1/2024/0023		
24	Lừ Công	Minh	04/05/2003	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	3,01	Khá	CD1.000493	14/CD1/2024/0024		
25	Đinh Văn	Nam	25/01/2003	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,77	Khá	CD1.000494	14/CD1/2024/0025		
26	Lù Văn	Nguyễn	21/06/2002	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	3,15	Khá	CD1.000495	14/CD1/2024/0026		
27	Lò Văn	Nhân	27/02/2000	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	3,21	Giỏi	CD1.000496	14/CD1/2024/0027		
28	Quảng Văn	Phát	28/02/2001	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	3,45	Giỏi	CD1.000497	14/CD1/2024/0028		
29	Cầm Bảo	Quốc	01/12/2003	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	3,1	Khá	CD1.000498	14/CD1/2024/0029		

TT	Họ Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm TN	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại (TB 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
30	Lò Văn	Quỳnh	30/10/2000	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,93	Khá	CD1.000499	14/CD1/2024/0030		
31	Cút Văn	Tâm	26/02/1998	Sơn La	Nam	Khơ mú	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,96	Khá	CD1.000500	14/CD1/2024/0031		
32	Hoàng Trọng	Tân	13/12/2003	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,73	Khá	CD1.000501	14/CD1/2024/0032		
33	Vì Văn	Thiện	24/09/2002	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,99	Khá	CD1.000502	14/CD1/2024/0033		
34	Hà Đức	Thọ	11/07/2003	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,77	Khá	CD1.000503	14/CD1/2024/0034		
35	Lò Văn	Thương	06/09/2003	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,96	Khá	CD1.000504	14/CD1/2024/0035		
36	Hoàng Đức	Toàn	20/11/2003	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	3,12	Khá	CD1.000505	14/CD1/2024/0036		
37	Thào A	Tùa	19/05/2002	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	3,08	Khá	CD1.000506	14/CD1/2024/0037		
38	Bạc Anh	Tuấn	03/02/2002	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,86	Khá	CD1.000507	14/CD1/2024/0038		
39	Lò Mạnh	Tùng	05/03/2002	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	2,9	Khá	CD1.000508	14/CD1/2024/0039		
40	Tòng Văn	Vui	10/01/2001	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2024	3,11	Khá	CD1.000509	14/CD1/2024/0040		
41	Quảng Bảo	Anh	10/12/2003	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ thông tin	2024	2,77	Khá	CD1.000510	14/CD1/2024/0041		
42	Vừ A Nụ	Chi	02/10/2003	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công nghệ thông tin	2024	3,42	Giỏi	CD1.000511	14/CD1/2024/0042		
43	Hằng A	Di	17/03/2003	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công nghệ thông tin	2024	3,52	Giỏi	CD1.000512	14/CD1/2024/0043		
44	Cà Văn	Diệp	08/09/2003	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ thông tin	2024	3,27	Giỏi	CD1.000513	14/CD1/2024/0044		
45	Sông A	Khu	26/09/2003	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công nghệ thông tin	2024	3,05	Khá	CD1.000514	14/CD1/2024/0045		

TT	Họ Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm TN	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại (TB 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
46	Sông A	Khương	05/09/2003	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công nghệ thông tin	2024	2,95	Khá	CD1.000515	14/CD1/2024/0046		
47	Lò Đức	Mạnh	30/08/2003	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ thông tin	2024	2,81	Khá	CD1.000516	14/CD1/2024/0047		
48	Lò Văn	Ngân	13/12/2002	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công nghệ thông tin	2024	3,54	Giỏi	CD1.000517	14/CD1/2024/0048		
49	Hàng A	Phàng	23/05/2000	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công nghệ thông tin	2024	3,08	Khá	CD1.000518	14/CD1/2024/0049		
50	Phàng A	Su	09/07/2002	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công nghệ thông tin	2024	3,17	Khá	CD1.000519	14/CD1/2024/0050		
51	Mùa A	Tổng	18/03/2003	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công nghệ thông tin	2024	3,11	Khá	CD1.000520	14/CD1/2024/0051		
52	Lù A	Châu	22/06/1996	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2024	3,43	Giỏi	CD1.000521	14/CD1/2024/0052		
53	Mùa A	Chua	12/02/1996	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2024	2,69	Khá	CD1.000522	14/CD1/2024/0053		
54	Thào A	Dinh	25/06/1997	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2024	3,38	Giỏi	CD1.000523	14/CD1/2024/0054		
55	Mùa A	Do	11/01/2003	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2024	2,96	Khá	CD1.000524	14/CD1/2024/0055		
56	Mùa A	Hằng	25/03/1996	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2024	3,06	Khá	CD1.000525	14/CD1/2024/0056		
57	Mùa A	Mang	05/07/2003	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2024	2,93	Khá	CD1.000526	14/CD1/2024/0057		
58	Thào A	Nu	03/06/1997	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2024	3,2	Giỏi	CD1.000527	14/CD1/2024/0058		
59	Mùa A	Páo	10/12/1994	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2024	2,81	Khá	CD1.000528	14/CD1/2024/0059		
60	Thào A	Páo	07/02/2001	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2024	2,85	Khá	CD1.000529	14/CD1/2024/0060		
61	Mùa A	Sang	16/05/1994	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2024	3,51	Giỏi	CD1.000530	14/CD1/2024/0061		

TT	Họ Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm TN	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
62	Mùa A	Thếnh	14/08/2001	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2024	2,98	Khá	CD1.000531	14/CD1/2024/0062		
63	Mùa A	Vàng	20/12/2003	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2024	2,88	Khá	CD1.000532	14/CD1/2024/0063		
64	Mùa A	Vư	15/11/2003	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2024	2,76	Khá	CD1.000533	14/CD1/2024/0064		

Danh sách này có: 64 sinh viên./.

Sơn La, ngày 27 tháng 05 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long